CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng số 18

Ngày 30/09/2025	28,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.0%	**-0.4%**	**-**

DT thuần
Q3/25
807
tỷ VNĐ
QoQ: ▼101| -11.1%
YoY: ▼404| -33.3%

LN thuần
Q3/25
23.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.10| -17.7%
YoY: ▼139| -85.5%

LN sau thuế
Q3/25
21.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.10| -8.7%
YoY: ▼80.1| -78.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
5.0%
YoY: +/-▼ 0.9%

ROE (TTM)
Q3/25
18.9%
YoY: +/-▼ 11.4%

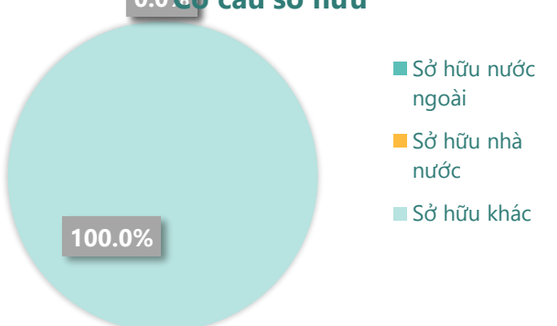
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	24,194 - 38,627
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,299
Số lượng CPLH (CP)	45,739,793
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,005
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.21
EPS	3,130
P/E	9.1

DT thuần
9T 2025
2,418
tỷ VNĐ
YoY: ▼949| -28.2%

LN thuần
9T 2025
95.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼133| -58.4%

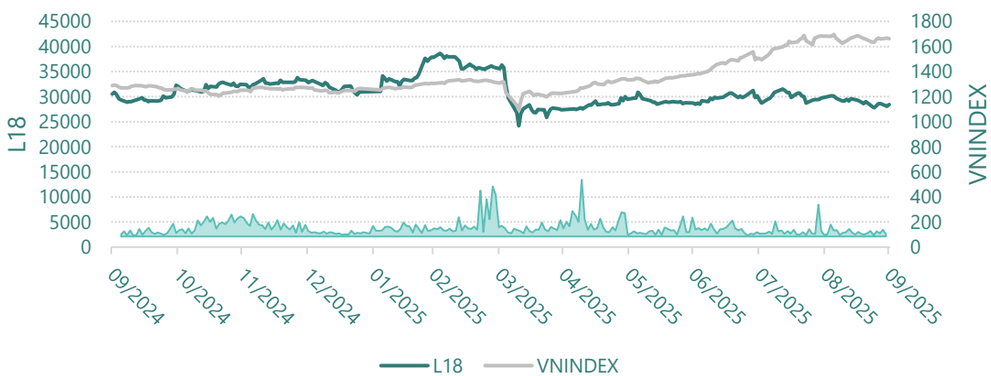
LN sau thuế
9T 2025
60.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼69.6| -53.5%

Cơ cấu sở hữu

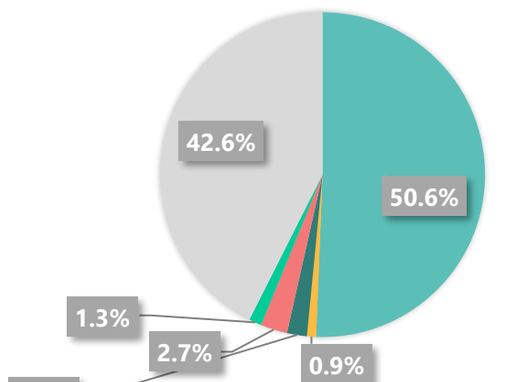


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

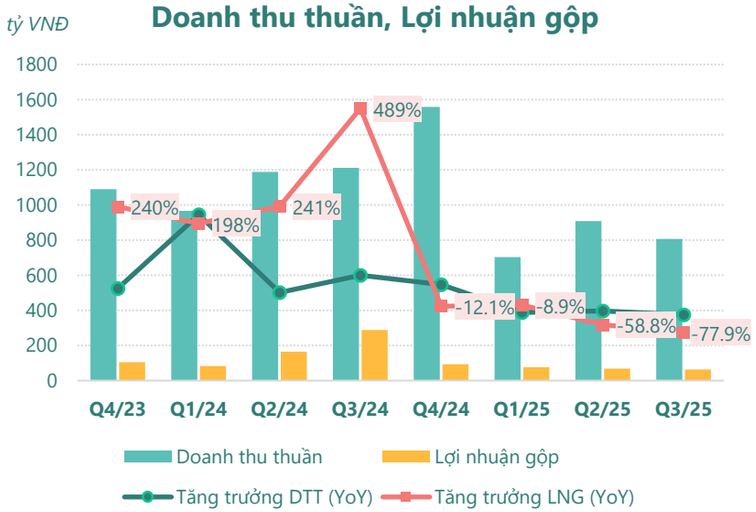


- Bùi Thanh Tuyên (Tổng giám đốc)
- CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc
- Đặng Văn Giang (Thành viên HĐQT)
- Văn Phụng Hà
- Ngô Văn Nam (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

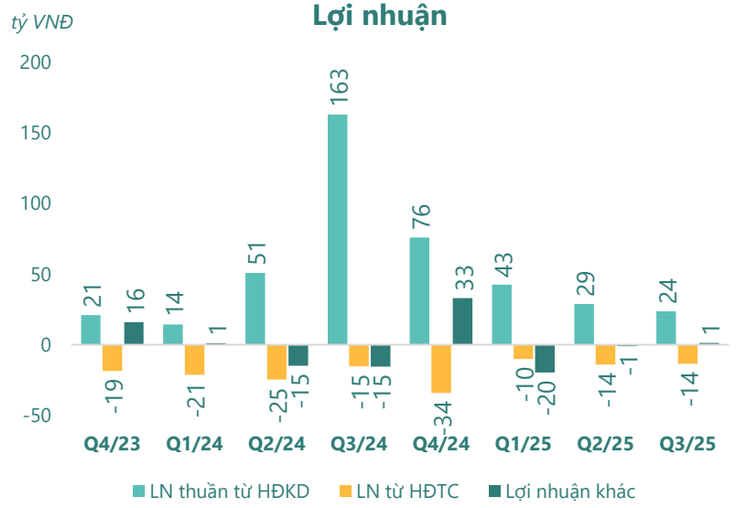
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



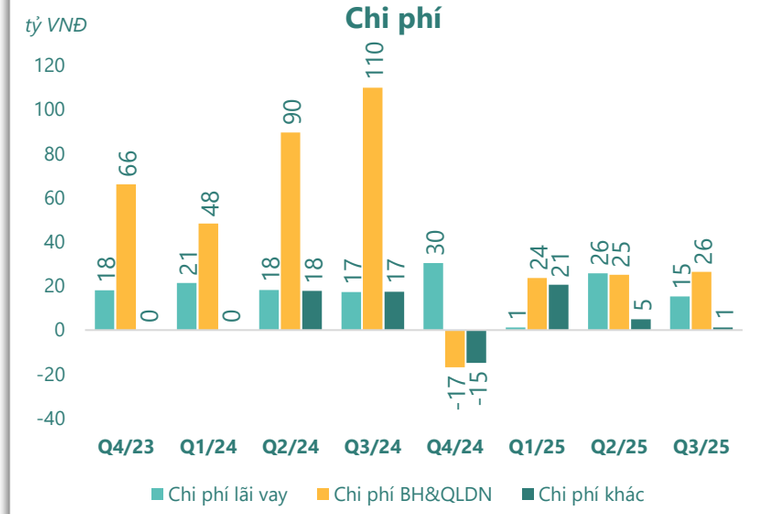
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



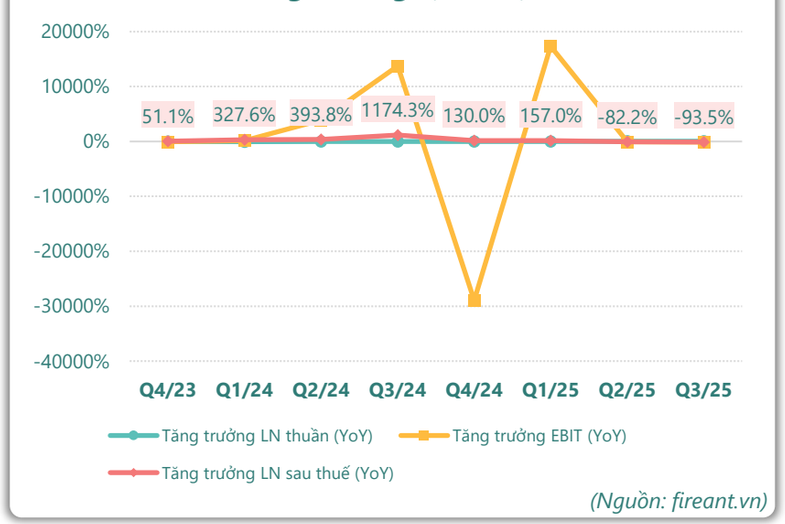
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



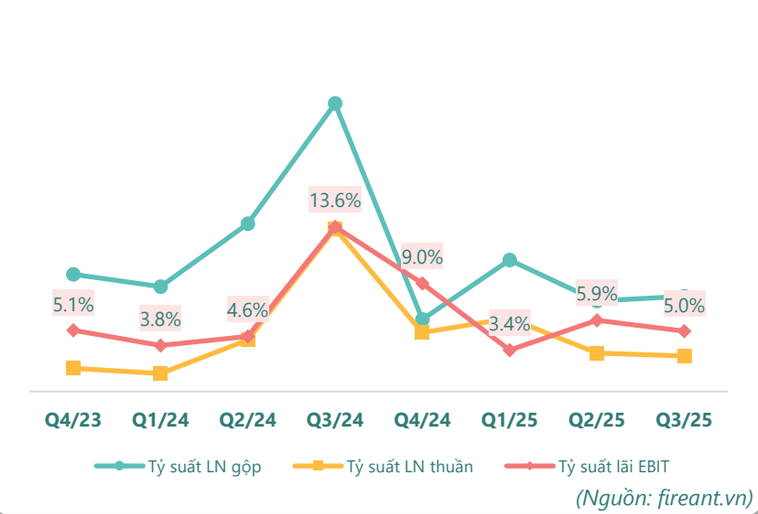
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



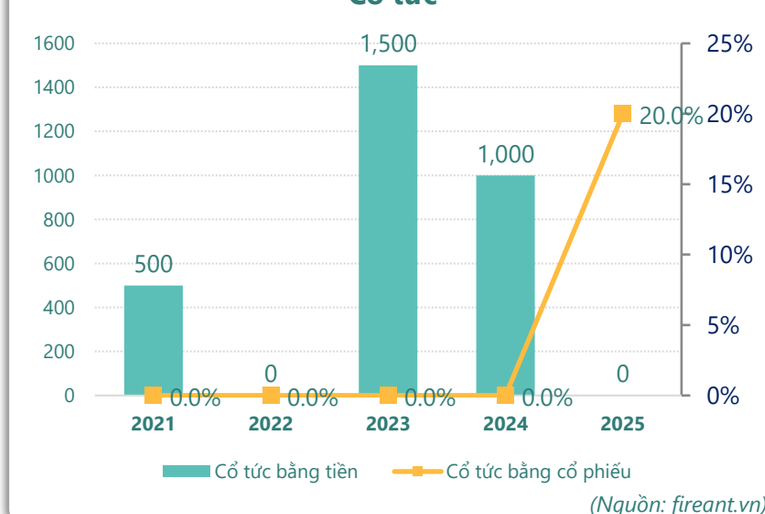
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

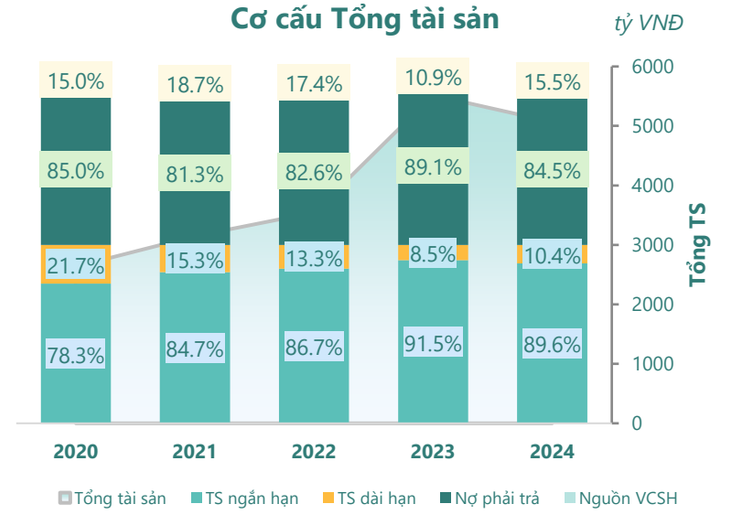
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

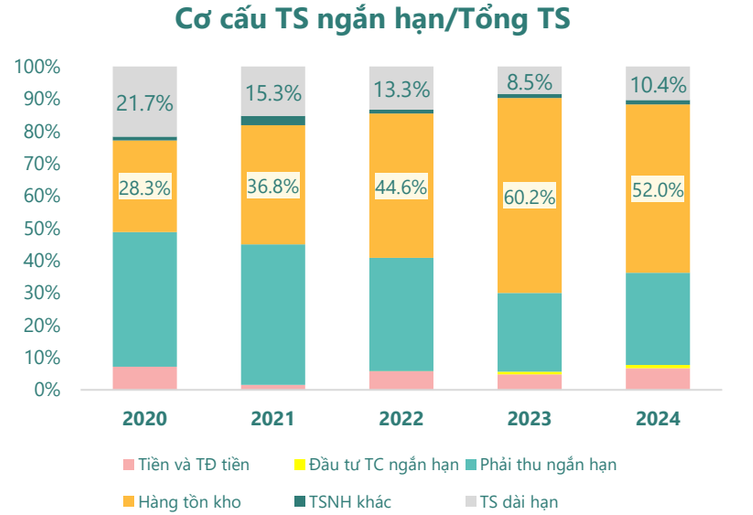
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



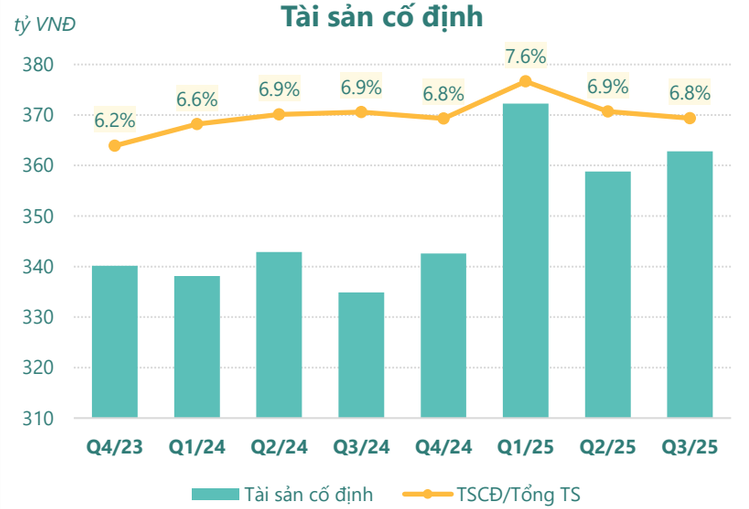
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



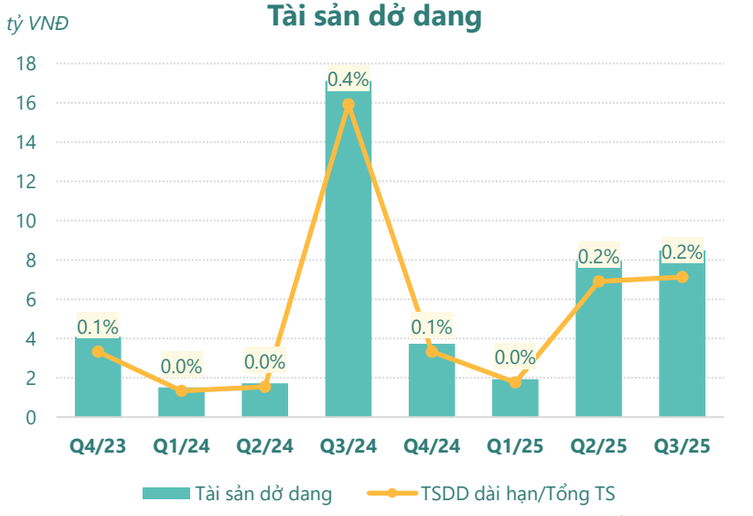
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



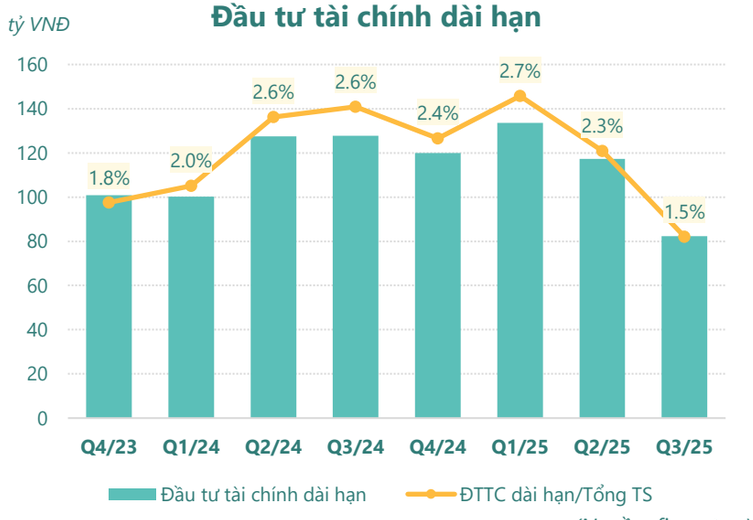
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



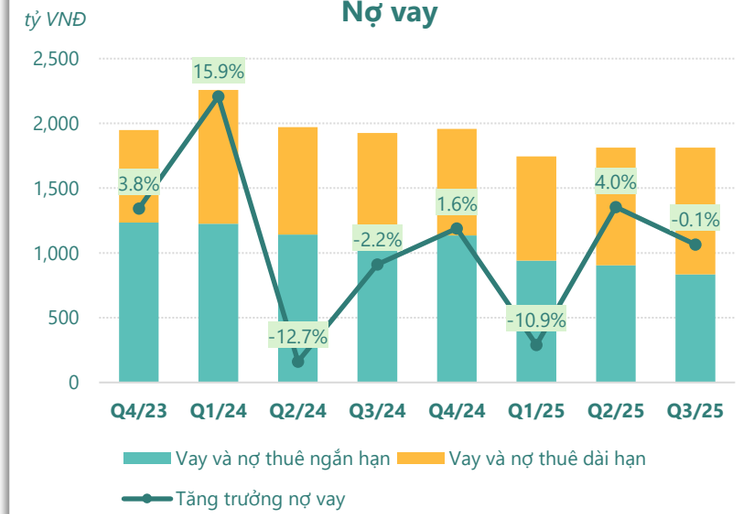
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

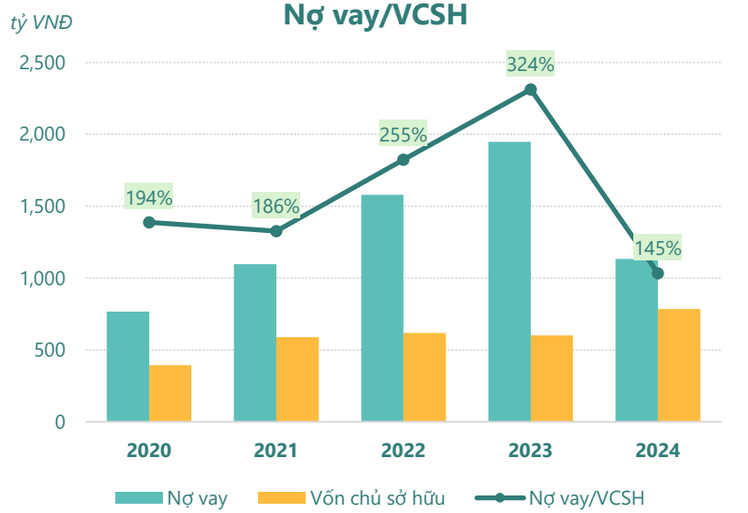
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

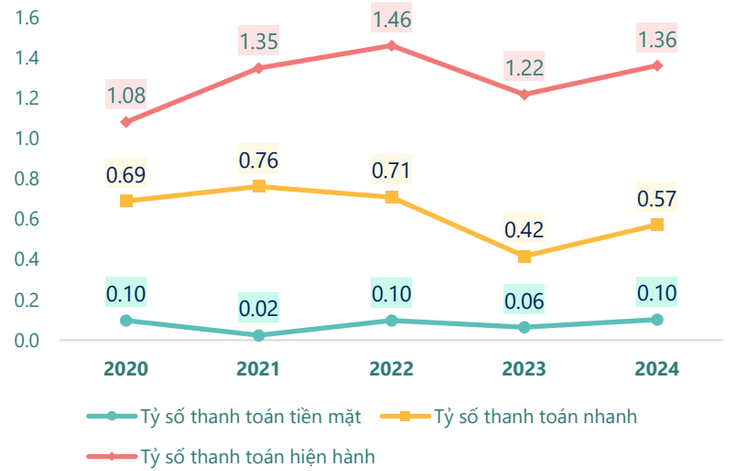
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



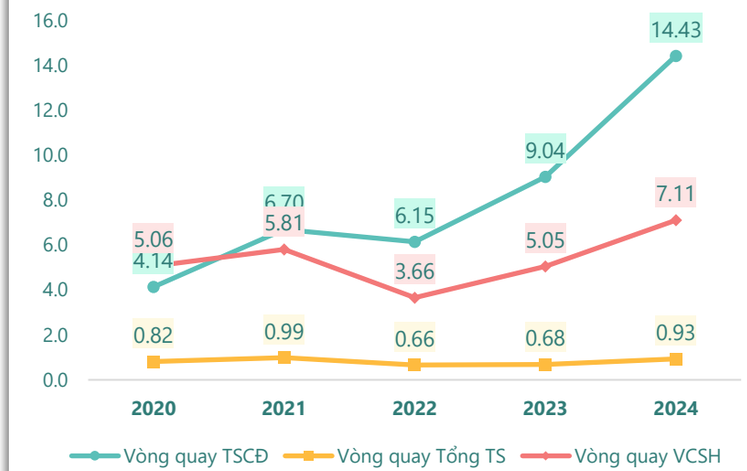
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



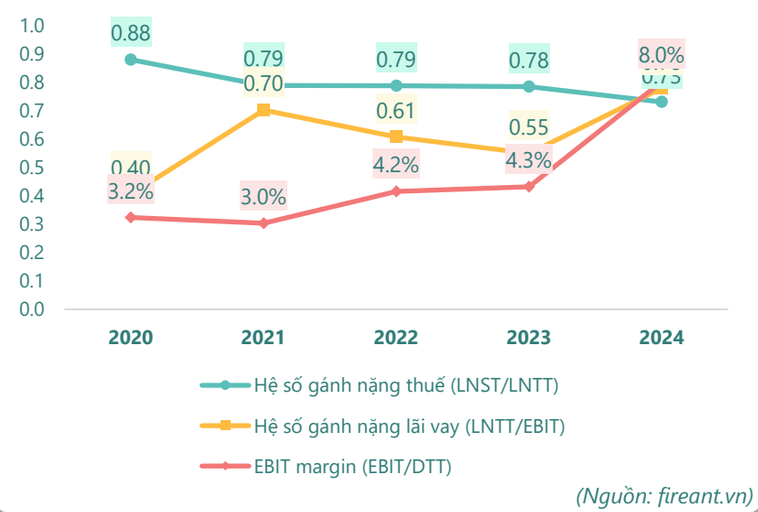
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



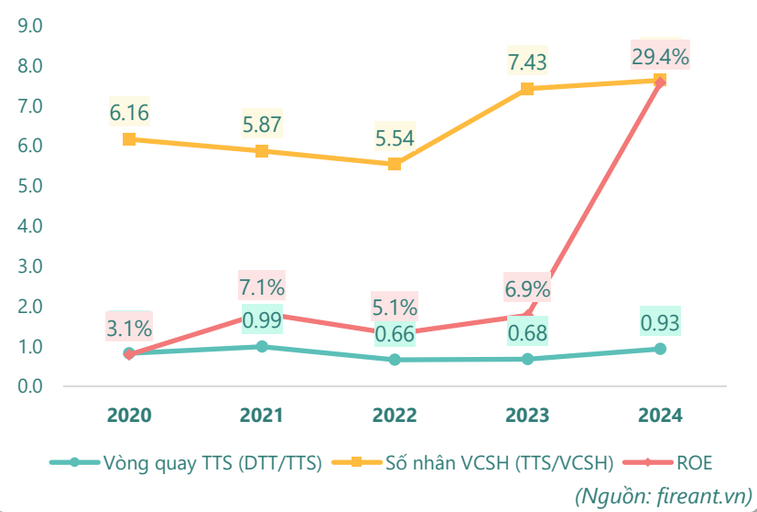
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



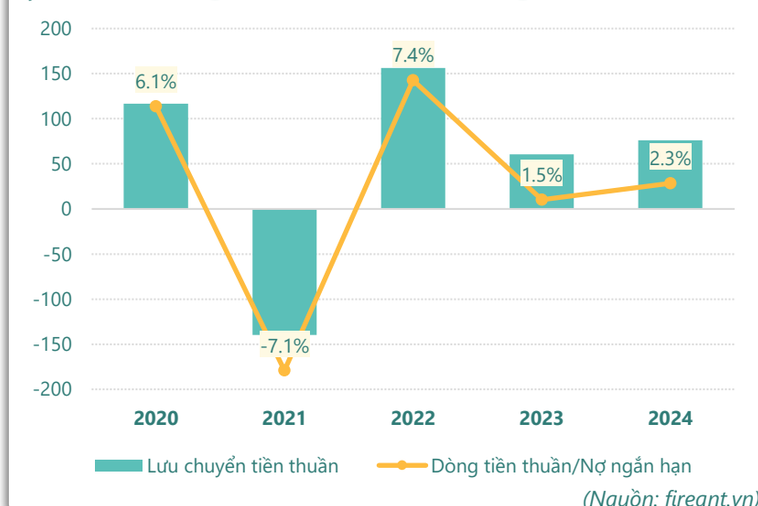
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**807**	**1,211**	**-33.3%**	**2,418**	**3,367**	**-28.2%**
Giá vốn hàng bán	744	923	-19.4%	2,209	2,830	-21.9%
Lợi nhuận gộp	63.6	288	-77.9%	208	537	-61.3%
Doanh thu HĐTC	3.20	2.20	45.5%	6.05	2.81	115%
Chi phí TC	16.7	17.6	-5.0%	43.9	64.2	-31.6%
Chi phí lãi vay	15.2	17.2	-11.5%	42.1	56.8	-25.9%
LN trong công ty LKLD	**0.02**	**0.15**	**-84.0%**	**0.05**	**0.36**	**-86.5%**
Chi phí bán hàng	3.30	7.04	-53.1%	8.56	25.3	-66.1%
Chi phí QLDN	**23.1**	**103**	**-77.5%**	**66.7**	**223**	**-70.0%**
LN thuần từ HĐKD	23.7	163	-85.5%	95.1	228	-58.4%
Lợi nhuận khác	**1.36**	**-15.5**	**109%**	**-19.2**	**-29.3**	**34.3%**
LN trước thuế	25.1	148	-83.1%	75.9	199	-61.9%
Lợi nhuận sau thuế	**21.9**	**102**	**-78.5%**	**60.4**	**130**	**-53.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.6**	**92.0**	**-78.7%**	**51.6**	**113**	**-54.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	320	-73.9	245	122	-122	42.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.0	27.1	-9.79	-27.9	14.1	-20.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-242	-63.7	56.0	-239	29.8	-2.79
Tiền đầu kỳ	113	160	49.2	341	196	118
Lưu chuyển tiền thuần	**47.2**	**-111**	**291**	**-145**	**-77.9**	**19.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.01	0	0	0
Tiền cuối kỳ	160	49.2	341	196	118	113

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,349**	**5,064**	**5.6%**
Tài sản ngắn hạn	4,771	4,539	5.1%
Tiền và tương đương tiền	113	341	-66.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.3	48.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,507	1,446	4.2%
Hàng tồn kho	3,041	2,633	15.5%
Tài sản ngắn hạn khác	61.8	71.2	-13.2%
Tài sản dài hạn	**578**	**525**	**10.0%**
Phải thu dài hạn	0.48	0.03	1392%
Tài sản cố định	363	343	5.9%
Bất động sản đầu tư	46.0	0	
Tài sản dở dang	8.48	3.74	127%
Đầu tư tài chính dài hạn	82.3	120	-31.1%
Tài sản dài hạn khác	**61.8**	**42.0**	**47.2%**
Lợi thế thương mại	15.8	17.1	-7.9%
Nợ phải trả	4,523	4,280	5.7%
Nợ ngắn hạn	**3,430**	**3,335**	**2.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	834	1,134	-26.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	672	889	-24.4%
Nợ dài hạn	1,092	945	15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	978	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**826**	**784**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**826**	**784**	**5.3%**
Vốn điều lệ	457	381	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)